TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1628/2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thu

2. Bà Huỳnh Thị Khả Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 334/2025/TLST-DS ngày 23/4/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 502/2025/QĐXXST-DS ngày *22*/8/2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số 485/2025/QĐST-DS ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP G

Địa chỉ: 266-268 N, phường X, TP. Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 266-268 N, phường V, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 (Theo Văn bản ủy quyền số 191/2025/UQ-TGĐ ngày 20/01/2025, vắng mặt)

Địa chỉ: 11/5/15 Khu phố A, phường Đ, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Hoàng L, sinh năm 1972, CMND số 022693677 (vắng mặt)

Địa chỉ: 18/98, Ấp W, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 18/98, Ấp 7, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 19/12/2018, bà Lê Thị Hoàng L có ký với Ngân hàng TMCP G (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà

Lê Thị Hoàng L, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 13.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Lê Thị Hoàng L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 68.481.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Lê Thị Hoàng L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 61.647.888 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Lê Thị Hoàng L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Lê Thị Hoàng L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/01/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện Kiệt hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 15.041.936 đồng sang nợ quá hạn (gọi là nợ gốc) và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, cụ thể: lãi quá hạn = lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng x 150%= 3,9%/tháng).

Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Hoàng L phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 48.500.541 đồng (trong đó: Nợ gốc là 15.041.936 đồng; Lãi quá hạn là 33.458.605 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Hoàng L vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn cư trú tại xã Bà Điểm, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây gọi tắt là Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được.

[3.2] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/12/2018, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP G, các Bảng sao kê tóm tắt thẻ tín dụng của bà Lê Thị Hoàng L và các tài liệu khác do Ngân hàng cung cấp và lời khai của Ngân hàng thì có cơ sở xác định: Ngân hàng đã cấp cho bà L 01 thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 13.000.000đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, các giao dịch và phí phát sinh phải được bà L thanh toán cho Ngân hàng vào hoặc trước ngày đến hạn ghi trên thông báo (hàng tháng), việc không thanh toán số tiền tối thiểu khi đến hạn sẽ làm cho tổng dư nợ trở nên đến hạn ngay lập tức. Sau khi được cấp thẻ, từ ngày 22/01/2019 đến ngày 22/5/2020, bà L đã thực hiện các giao dịch từ thẻ với tổng số tiền là 68.481.000 đồng. Từ khi mở thẻ đến ngày 22/10/2020, bà L thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 61.647.888 đồng và sau đó không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Từ ngày 22/01/2021, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (15.041.936 đồng) làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại (2,6%/tháng x 150% = 3,9%/tháng). Tính đến ngày 29/9/2025, bà L còn nợ tổng số tiền 48.500.541 đồng (trong đó: Nợ gốc là 15.041.936 đồng; Lãi quá hạn là 33.458.605 đồng).

[3.3] Từ đó, căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc bà L trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 15.041.936 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 29/9/2025 là 33.458.605 đồng, tổng cộng 48.500.541 đồng. Ngoài ra, bà L còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/12/2018, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 2.425.027 đồng, bà L phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 40, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP G.

Buộc bà Lê Thị Hoàng L phải trả cho Ngân hàng TMCP G số tiền nợ tính đến ngày 29/9/2025 là 48.500.541đồng (trong đó: Nợ gốc là 15.041.936 đồng; Lãi quá hạn là 33.458.605 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/12/2018 ký giữa bà Lê Thị Hoàng L và Ngân hàng TMCP G, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP G. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2/Án phí:

Bà Lê Thị Hoàng L phải chịu án phí sơ thẩm là 2.425.027 đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.085.406 đồng theo Biên lai số 0083410 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3/ Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV 8 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV 8 – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam